TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2020/DSST
Ngày: 29.9.2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo
Bà Lê Thị Nhớ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 29.9.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2020/TLST-DS ngày 29.05.2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-DS ngày 03.9.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐST-DS, ngày 21.9.2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**. Địa chỉ trụ sở tại 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ng; chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phan Minh Nh; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (*theo Giấy ủy quyền số 298/2020/UQ-CNĐN ngày 28.9.2020 của ông Hoàng Thanh H là Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng*) (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Tấn P**, sinh năm 1961; Địa chỉ: K313/39 đường N2, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 11.11.2015, ông Lê Tấn P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện P hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện 13 giao dịch với tổng số tiền 73.281.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.420.765 đồng. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01.02.2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ

quá hạn. Tính đến ngày 29.9.2020, ông P còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 22.820.409 đồng; Lãi quá hạn 38.139.262đ; Tổng cộng 60.959.671đ. Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên.

Bị đơn ông Lê Tấn P, mặc dù Toà án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Lê Tấn P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Tấn P tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tấn P.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11.11.2015, Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Đà Nẵng có cấp cho ông Lê Tấn P thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn theo quy định từng thời kỳ và Quyết định mức lãi suất của Ngân hàng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ vào bảng tính chi tiết được cập nhất trên hệ thống phần mềm của Ngân hàng, ông Lê Tấn P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 73.281.000đ; Nay, ông P còn nợ ngân hàng số tiền gốc: 22.820.409đ; lãi quá hạn từ ngày 31/10/2016 đến ngày 29/9/2020 là 38.139.262đ; tổng cộng 60.959.671đ. Ngày 01/02/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn bao gồm toàn bộ số tiền giao dịch cộng với tiền lãi quá hạn.. Nay ông Lê Tấn P còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 22.820.409 đồng; tiền lãi quá hạn là 38.139.262đ; tổng cộng 60.959.671đ.

[3] Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lê Tấn P vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông Lê Tấn P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm phương thức trả nợ gốc và nợ lãi mà các bên đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện P hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Tấn P phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Đối với phần dư nợ phải trả, tiền lãi được tính trên dự nợ thực tế của Chủ thẻ và thời gian vay thực tế. Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và ghi nợ vào ngày sao kê.

[5] Đối với dự nợ các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ: Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán nếu chủ thẻ thanh toán thành công toàn bộ dự nợ cuối kỳ được thông báo trên sao kê thì Ngân hàng sẽ miễn lãi cho toàn bộ dư nợ của các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, giao dịch thu phí, giao dịch thu lãi P sinh trong kỳ sao kê của chủ thẻ.

[6] Đối với dư nợ các giao dịch phải trả: Do trong kỳ khách hàng không thanh toán toàn bộ dự nợ cuối kỳ được thông báo trên sao kê, vì vậy Ngân hàng không miễn lãi của phí theo quy định mà tính lãi toàn bộ phí các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, giao dịch thu phí, giao dịch thu lãi P sinh trong kỳ sao kê của chủ thẻ. Như vậy, kể từ ngày 31/10/2016 ông P đã không thanh toán khoản dư nợ cuối kỳ nên tiền lãi quá hạn được tính kể từ ngày 31/10/2016 trên số tiền gốc là 22.820.409 đồng là hoàn toàn có cơ sỡ.

[7] Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Lê Tấn P phải trả cho Ngân hàng số tiền 60.959.671đ; trong đó, tiền gốc 22.820.409 đồng; tiền lãi quá hạn là 38.139.262đ (lãi tính đến ngày 29/9/2020) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, 474, 475 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 1, 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[8] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 60.959.671đ x 5% = 3.047.983đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1; 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Lê Tấn P

Xử: Buộc ông Lê Tấn P phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 60.959.671đ (Sáu mươi triệu chín trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi mốt đồng); trong đó, tiền gốc 22.820.409 đồng; tiền lãi quá hạn là 38.139.262đ (lãi tính đến ngày 29/9/2020).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất P sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.047.983đ (ba triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi tám đồng) ông Lê Tấn P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.386.353 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002000 ngày 28 tháng 5 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hằng